

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - PT
Ngày 14/02/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long
Ông Lương Văn Đài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn". Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2178/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-PT ngày 14/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giàng A L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố N - H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Thào Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 557 đường G, tổ dân phố N- H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Thào Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Giàng A L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thào Thị L lấy nhau năm 1998 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống

hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Vì vậy anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thào Thị L.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống anh chị sinh được hai người con chung cháu lớn Giàng Mai N sinh ngày 05/10/1999, cháu Giàng Minh S sinh ngày 21/9/2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và khoản nợ: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về tạo dựng được một tài sản chung và khoản nợ chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thào Thị L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giàng A L lấy nhau vào năm 1998 và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai vào ngày 31/01/1998. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi lấy nhau về hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2022 anh L chuyển công tác sang Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên từ đó anh L lạnh nhạt với chị không quan tâm đến gia đình, mặc dù chị và gia đình đã khuyên anh L nhưng anh L không sửa chữa khuyết điểm của mình. Nay anh L làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị xét thấy anh chị không có mâu thuẫn gì, chị vẫn còn tình cảm với anh L mong Tòa án hòa giải cho chị và anh L trở về đoàn tụ xây dựng cuộc sống gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được hai người con chung cháu lớn Giàng Mai N sinh ngày 05/10/1999, cháu Giàng Minh S sinh ngày 21/9/2002. Hiện nay các cháu phát triển bình thường, đã trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai, đã quyết định:

Căn cứ điều khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm a khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Xử anh Giàng A L được ly hôn chị Thào Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/10/2024, bị đơn chị Thào Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng A L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Giàng A L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Thào Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện

đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Thào Thị L, giữa nguyên bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Thào Thị L có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thào Thị L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên xác minh tại cơ sở và biên bản xác minh đối với ông Thào L nguyên là chủ tịch UBND xã C về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L là chưa đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị và anh L. Tuy nhiên trong các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị L đều thừa nhận chị và anh L có đăng ký kết hôn từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2024 do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đối với ông Sùng P là công chức tư pháp UBND xã C, huyện Mường Khương cung cấp thông tin xác định năm 1998 giữa anh L và Chị L có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận nhưng do thời điểm đó không vào sổ đăng ký nên hiện nay không có thông tin lưu trữ tại UBND xã. Ngoài ra, trong bản tự khai ngày 03/12/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, chị L có thừa nhận hiện nay Giấy đăng ký kết hôn giữa chị và anh L đang do chị cất giữ, việc chị không cung cấp tài liệu này là do bản thân chị không muốn ly hôn với anh L. Đến ngày 14/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã nhận được bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị L và anh L, do chị L giao nộp. Vì vậy có thể xác định hôn nhân giữa anh L và chị L là hôn nhân hợp pháp.

Anh L cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cách giáo dục con cái, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ tháng 9 năm 2023. Tại đơn kháng cáo, chị L thừa nhận giữa chị và anh L có mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân xuất phát từ việc anh L có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác chứ không phải do bất đồng quan điểm sống như anh L khai. Kèm theo đơn kháng cáo, chị L cung cấp 1 USB, tại bản tự khai ngày 03/12/2024 chị cho rằng trong USB chị giao nộp có file ghi âm cuộc gọi giữa chị và chị Lương Thị K (chị K là người chị L cho rằng có quan hệ bất chính với anh L) và chị K đã thừa nhận có

quan hệ yêu đương với anh L. Tuy nhiên kèm theo USB chị L không cung cấp văn bản trình bày về xuất xứ của USB, không có văn bản trình bày liên quan đến file ghi âm,... nên không được xác định là chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngoài ra chị L không cung cấp thêm tài liệu hay chứng cứ nào khác.

Từ những phân tích nêu trên cùng với các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự thấy rằng, trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L không còn hạnh phúc và hiện nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh chị vẫn không thể hòa giải, bản thân anh L cũng xác định không thể quay về chung sống với chị L được nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Thào Thị L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh L đều thừa nhận có hai con chung, cháu lớn Giàng Mai N sinh ngày 05/10/1999, cháu Giàng Minh S sinh ngày 21/9/2002. Hiện nay các cháu phát triển bình thường, đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về phần này, vì vậy tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn chị Thào Thị L không được chấp nhận, nên chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Thào Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí:

Chị Thào Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Xác nhận chị Thào Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P, số 0001843 ngày 22/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lào Cai.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

